TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8 - 2018
"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Hùng.

Ông Phan Văn Truyện.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L.

Ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số 151, ấp Gò Dồ, xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Ông D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp Gò Dưa, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018 và những lời trình bày của nguyên đơn bà N có trong hồ sơ và tại phiên tòa n sau:

Năm 2015, bà với ông D quen biết với nhau. Ngày 23/9/2016, hai người làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh L. Thời gian đầu ông, bà sống chung với nhau hạnh phúc nng từ ngày 24/7/2017 đến nay bà và ông D bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông, bà không hòa hợp với nhau về cách sống và cách suy nghĩ, ông, bà thường hay bất đồng quan điểm và xảy ra cãi vã. Ông, bà đã sống ly thân khoảng một năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn lại được.

Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Y, sinh ngày 13/7/2017. Nay bà yêu cầu những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Y, sinh ngày 13/7/2017 đến khi con chung tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông D có nghĩa vụ phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Bà cho rằng không có và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không có mặt tại phiên tòa và không có lời khai trong hồ sơ.

NHẬN THẤY CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Gò Dưa, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh L nên Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L thụ lý vụ án là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông D không có lời khai trong hồ sơ và vắng mặt không có lý do nng đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các lần theo thủ tục tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Năm 2015, bà với ông D quen biết với nhau. Ngày 06/7/2017, hai người làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh L nên đây là hôn nhân hợp pháp, bà N yêu cầu ly hôn nên Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết vấn đề ly hôn giữa bà N và ông D. Thời gian đầu, ông bà sống chung với nhau đầm ấm và hạnh phúc nng từ năm 2017 đến nay bà và ông D bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông, bà không hòa hợp với nhau về cách sống và cách suy nghĩ, ông bà thường hay bất đồng quan điểm và xảy ra cãi vã thường xuyên nên Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà N vẫn cương quyết ly hôn với ông D, về phía ông D mặc dù đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nng tại phiên tòa ông D vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến trình bày trong hồ sơ thể hiện sự không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông D.

[5] Về con chung: Hai ông, bà có 01 con chung là cháu Y, sinh ngày 13/7/2017. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông D có nghĩa vụ phải cấp dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Y, sinh ngày 13/7/2017 còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi và ông D không thể hiện ý kiến gì về vấn đề ly hôn cũng n vấn đề nuôi con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Y của bà N.

[6] Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng con chung nên ông D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[7] Về tài sản chung: Bà N cho rằng không có và cam kết không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[8] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147; 267; 269; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Y, sinh ngày 13/7/2017 cho bà N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu con chung đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ông D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Ông D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà N phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0006762 ngày 9/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, bà N đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày Tòa án tống đạt bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Hùng – Phan Văn Truyện **Trần Diệp**

***Nơi nhận**:*
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THA/DS thị xã K;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Diệp